

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KIỂM TRA NỘI BỘ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ BẠC 3
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
(ĐỢT KIỂM TRA NGÀY 23/11/2025)

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
1	23403523	B001	Phạm Phú	Ân	05/09/1995	Nam	5.0	5.0	5.0	0.5	15.5	3.88	Không đạt
2	22413017	B002	Lê Ngọc	Anh	09/04/2004	Nữ	4.0	5.0	7.5	6.0	22.5	5.63	Đạt
3	23410007	B003	Trần Ngọc Trâm	Anh	28/04/2005	Nữ	6.0	4.0	6.0	4.0	20.0	5.00	Đạt
4	23903502	B004	Vũ Thị Kim	Ánh	25/01/1976	Nữ	5.0	5.0	6.5	3.0	19.5	4.88	Không đạt
5	22412004	B005	Cao Nghiêm Chí	Bảo	06/03/2004	Nam	4.0	5.5	7.0	0.5	17.0	4.25	Không đạt
6	22412005	B006	Võ Gia	Bảo	10/04/2004	Nam	7.0	6.5	5.5	2.5	21.5	5.38	Đạt
7	23903007	B007	H -trich	Bkrông	18/06/2005	Nữ	0.0	4.5	3.0	1.0	8.5	2.13	Không đạt
8	18403009	B008	H' Brian	Byă	22/01/2000	Nữ							Vắng
9	23607008	B009	H Săn Dra	Byă	20/10/2005	Nữ	6.0	5.0	2.5	0.5	14.0	3.50	Không đạt
10	23903504	B010	Vũ Thị Mỹ	Châu	08/04/1983	Nữ	6.5	5.0	2.0	6.0	19.5	4.88	Không đạt
11	21412101	B011	Nguyễn Đức	Chiến	05/04/2003	Nam	3.0	6.0	5.0	0.5	14.5	3.63	Không đạt
12	23301003	B012	Lê Phạm Quốc	Chung	01/10/2005	Nam							Vắng
13	22406008	B013	Trương Thị Kim	Cúc	01/10/2004	Nữ	6.5	5.0	3.0	2.0	16.5	4.13	Không đạt
14	23306008	B014	Chê Văn	Cường	05/12/2005	Nam	4.0	5.0	4.5	0.5	14.0	3.50	Không đạt
15	22413005	B015	Nguyễn Linh	Đan	10/01/2004	Nữ	6.0	6.0	2.5	3.0	17.5	4.38	Không đạt
16	21305027	B016	Bùi Nguyễn Nhật	Đăng	09/01/2003	Nam							Vắng
17	20307269	B017	Vạn Ngọc Hải	Đăng	10/01/2000	Nam	5.0	3.5	2.0	6.0	16.5	4.13	Không đạt
18	22305009	B018	Siu H'	Danh	27/08/2003	Nữ							Vắng
19	22413022	B019	Đặng Thành	Đạt	04/04/2001	Nam	7.0	4.0	6.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
20	21605011	B020	Đinh Phan Tấn	Đạt	07/02/2003	Nam	2.0	5.0	6.0	3.0	16.0	4.00	Không đạt
21	21103015	B021	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đạt	20/02/2003	Nam	6.0	4.5	3.0	6.0	19.5	4.88	Không đạt
22	21605012	B022	Nguyễn Hưng	Đạt	24/11/2003	Nam	4.0	4.0	5.0	3.0	16.0	4.00	Không đạt
23	23605005	B023	Vũ Tiến	Đạt	15/11/2005	Nam	6.0	5.0	2.0	3.0	16.0	4.00	Không đạt
24	22902005	B024	Lục Thị Bích	Diệp	14/08/2004	Nữ							Vắng
25	23903509	B025	Đinh Thị Huyền	Diệu	10/02/1983	Nữ	5.0	5.0	2.5	5.5	18.0	4.50	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
26	23903012	B026	Y -	Diệu	18/05/2005	Nữ	6.0	5.5	1.0	4.5	17.0	4.25	Không đạt
27	22305010	B027	Thị	Dinh	02/03/2004	Nữ	6.0	5.0	3.0	7.5	21.5	5.38	Đạt
28	22103016	B028	Nguyễn Thái	Đình	16/01/2004	Nam	5.0	5.0	5.0	7.0	22.0	5.50	Đạt
29	16103017	B029	Trần Công	Đoàn	26/12/1998	Nam	7.0	3.0	3.0	7.0	20.0	5.00	Đạt
30	23903017	B030	Hving H'	Đon	05/05/2005	Nữ	7.0	3.0	3.0	2.5	15.5	3.88	Không đạt
31	14902009	B031	Rahlan H'	Drim	11/11/1996	Nữ	3.0	5.5	5.0	5.5	19.0	4.75	Không đạt
32	24605004	B032	Y' Khang -	Du	01/10/2006	Nam	1.0	5.0	6.0	2.5	14.5	3.63	Không đạt
33	23306003	B033	Nguyễn Trọng	Đức	27/08/2005	Nam	5.0	5.0	2.0	3.0	15.0	3.75	Không đạt
34	22306001	B034	Phạm Hữu	Đức	28/05/2004	Nam	1.0	5.0	3.0	0.5	9.5	2.38	Không đạt
35	22103018	B035	Phạm Ngọc	Đức	12/03/2004	Nam	3.5	5.0	5.0	2.0	15.5	3.88	Không đạt
36	23903014	B036	Ksor H'	Dung	03/06/2004	Nữ							Vắng
37	23410015	B037	Nguyễn Thị Thùy	Dung	12/06/2005	Nữ	1.0	5.0	6.0	0.5	12.5	3.13	Không đạt
38	22601009	B038	Nguyễn Đăng	Dũng	21/07/2003	Nam	5.5	5.0	2.5	3.5	16.5	4.13	Không đạt
39	22902008	B039	H Tép Si	Đũng	30/04/2003	Nữ	5.5	5.0	4.0	3.5	18.0	4.50	Không đạt
40	23302003	B040	Nguyễn Văn	Dương	19/11/2005	Nam	2.0	5.0	6.0	0.5	13.5	3.38	Không đạt
41	21404061	B041	Trần Thị Hải	Dương	24/10/2003	Nữ	2.0	5.0	5.0	8.0	20.0	5.00	Đạt
42	23903015	B042	Y	Dương	02/09/2005	Nữ	5.5	5.0	5.0	3.0	18.5	4.63	Không đạt
43	20307058	B043	Đặng Anh	Duy	09/10/2002	Nam	7.0	5.0	6.5	6.5	25.0	6.25	Đạt
44	22311509	B044	Nguyễn Thành	Duy	29/06/1995	Nam							Vắng
45	20307062	B045	Trần Thị Mỹ	Duyên	29/06/2002	Nữ	7.5	5.0	6.5	8.0	27.0	6.75	Đạt
46	23903513	B046	Bơ Nah Ria Nai	Dzên	20/10/1992	Nữ	6.0	5.0	5.0	7.0	23.0	5.75	Đạt
47	23403507	B047	Lê Thị Hoài	Giang	18/03/1999	Nữ	1.0	5.0	4.5	2.0	12.5	3.13	Không đạt
48	23410036	B048	Đỗ Thị Việt	Hà	04/07/2005	Nữ	7.0	4.5	4.5	4.5	20.5	5.13	Đạt
49	22410017	B049	Lê Công Tuấn	Hải	19/07/2004	Nam	7.0	5.0	5.5	6.5	24.0	6.00	Đạt
50	23311009	B050	Đỗ Hồng Gia	Hân	11/01/2005	Nữ	7.0	6.5	3.0	5.0	21.5	5.38	Đạt
51	24305047	B051	Nguyễn Bảo	Hân	20/10/2006	Nữ	7.5	3.0	3.5	8.0	22.0	5.50	Đạt
52	22403035	B052	Trần Diệp Thu	Hằng	03/04/2004	Nữ							Vắng
53	22903089	B053	Thị	Hạnh	27/10/2002	Nữ							Vắng
54	20307274	B054	Đình	Hậu	15/10/2001	Nữ	6.5	6.0	3.0	7.0	22.5	5.63	Đạt
55	23901016	B055	Ksor	Hậu	15/07/2005	Nữ	6.5	3.0	3.5	2.0	15.0	3.75	Không đạt
56	23311010	B056	Phùng Văn	Hậu	23/11/2005	Nam	5.0	5.0	4.0	6.0	20.0	5.00	Đạt
57	22413007	B057	Nguyễn Xuân	Hiền	25/03/2004	Nam	5.0	5.0	3.5	4.5	18.0	4.50	Không đạt
58	23607067	B058	Đặng Thị Thanh	Hiền	25/04/2005	Nữ	1.0	5.5	2.0	3.0	11.5	2.88	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
59	22305022	B059	Nguyễn Phương Xuân	Hiền	26/04/2004	Nữ	2.0	5.0	2.0	4.0	13.0	3.25	Không đạt
60	21101026	B060	Nguyễn Thúy	Hiền	20/01/2003	Nữ							Vắng
61	22601015	B061	Trương Thị	Hiền	10/04/2004	Nữ	4.0	2.5	9.5	3.0	19.0	4.75	Không đạt
62	21103026	B062	Nguyễn Hoàng	Hiếu	14/09/2003	Nam	0.0	3.5	9.0	4.5	17.0	4.25	Không đạt
63	24101005	B063	Nguyễn Vương Duy	Hiếu	01/11/2006	Nam	7.5	4.5	9.5	8.0	29.5	7.38	Đạt
64	22306002	B064	Trần Trung	Hiếu	08/05/2004	Nam	3.0	3.5	8.5	7.5	22.5	5.63	Đạt
65	23903026	B065	Trần Thị Mai	Hoa	12/01/2005	Nữ	1.5	5.5	9.0	6.0	22.0	5.50	Đạt
66	23903028	B066	Ksor H'	Hồng	13/09/2004	Nữ	2.5	5.0	8.5	1.5	17.5	4.38	Không đạt
67	23903029	B067	Siu H'	Hồng	22/06/2005	Nữ	2.5	5.0	9.0	6.0	22.5	5.63	Đạt
68	24601007	B068	Nông Thị	Huế	12/11/2003	Nữ							Vắng
69	23306005	B069	A	Hùng	07/05/2005	Nam	0.5	3.0	8.5	1.0	13.0	3.25	Không đạt
70	22413032	B070	Nguyễn Văn	Hùng	27/11/2004	Nam	3.0	5.0	9.0	3.5	20.5	5.13	Đạt
71	23305050	B071	Nguyễn Duy	Hung	02/06/2005	Nam	3.0	5.0	9.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
72	22102003	B072	Nguyễn Văn	Hung	15/11/2004	Nam	5.5	5.0	9.0	4.5	24.0	6.00	Đạt
73	22303003	B073	Phạm Văn Tuấn	Hung	10/11/2004	Nam	3.0	5.0	8.5	4.0	20.5	5.13	Đạt
74	23903031	B074	H'	Hương	26/06/2005	Nữ	3.0	5.0	9.0	6.0	23.0	5.75	Đạt
75	13604075	B075	Vũ Thị Thu	Hường	19/02/1994	Nữ	4.0	4.0	8.0	1.5	17.5	4.38	Không đạt
76	21605022	B076	Đỗ Thanh	Huy	30/07/2003	Nam	6.5	4.5	7.5	7.0	25.5	6.38	Đạt
77	21410174	B077	Lê Văn	Huy	03/11/2003	Nam	5.0	3.0	4.0	3.5	15.5	3.88	Không đạt
78	21605023	B078	Nguyễn Văn	Huy	12/02/2002	Nam	5.0	3.0	7.5	4.0	19.5	4.88	Không đạt
79	22402031	B079	Nguyễn Văn	Huy	05/02/2004	Nam	2.0	4.5	9.0	2.5	18.0	4.50	Không đạt
80	22103025	B080	Phạm Quốc	Huy	28/10/2004	Nam	7.5	3.0	6.5	6.5	23.5	5.88	Đạt
81	23901019	B081	Đoàn Thị Thu	Huyền	07/07/2005	Nữ							Vắng
82	23601006	B082	Nguyễn Thị Thúy	Huyền	15/11/2005	Nữ							Vắng
83	23412018	B083	Phạm Thị Bích	Huyền	27/10/2005	Nữ	6.5	5.5	7.5	6.5	26.0	6.50	Đạt
84	22410112	B084	Phan Thị Thanh	Huyền	30/05/2003	Nữ	7.0	4.5	7.0	2.0	20.5	5.13	Đạt
85	22306003	B085	H Thiên	Kdoh	10/04/2004	Nữ	4.0	4.0	7.0	7.0	22.0	5.50	Đạt
86	21305298	B086	Nay	Khai	11/11/2001	Nam	3.0	3.0	7.5	1.5	15.0	3.75	Không đạt
87	23902010	B087	Hoàng Vi	Khanh	05/12/2005	Nữ	6.0	4.0	7.5	5.0	22.5	5.63	Đạt
88	22412021	B088	Trần Danh	Khoa	02/01/2004	Nam	6.0	2.5	9.0	2.5	20.0	5.00	Đạt
89	20307280	B089	Rơ Chom	Khôi	11/09/2000	Nam	8.5	4.5	9.0	5.5	27.5	6.88	Đạt
90	23903034	B090	Nay	Khuya	25/05/2004	Nữ	6.0	5.0	7.5	3.0	21.5	5.38	Đạt
91	22903032	B091	Ksor H'	Khuyên	21/03/2004	Nữ	4.5	7.0	2.5	5.5	19.5	4.88	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/Nữ	Kết quả kiểm tra						Kết quả
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	
92	23601034	B092	Nguyễn Minh	Khuyến	20/02/2004	Nam	7.0	6.0	2.0	6.0	21.0	5.25	Đạt
93	23601009	B093	Dương Tấn	Kiệt	21/12/2005	Nam	3.0	4.5	5.0	2.5	15.0	3.75	Không đạt
94	23605007	B094	Đào Thị Thúy	Kiều	19/08/2005	Nữ	8.0	4.5	2.0	2.0	16.5	4.13	Không đạt
95	23901024	B095	Ksor H'	Kiều	02/04/2004	Nữ	3.5	6.5	3.5	5.0	18.5	4.63	Không đạt
96	23903036	B096	Nay H'	Knia	25/05/2005	Nữ	6.5	6.0	2.0	0.5	15.0	3.75	Không đạt
97	20901082	B097	Y Yê Rê Mí	Knul	24/04/2002	Nam							Vắng
98	20403051	B098	H Pha -	Ktla	23/12/2001	Nữ	6.0	6.0	5.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
99	21607069	B099	H' Rin	Ktla	14/09/2003	Nữ	5.0	5.0	2.0	6.0	18.0	4.50	Không đạt
100	23401026	B100	H Ri Na	Ktul	20/08/2005	Nữ	7.5	5.0	4.0	4.5	21.0	5.25	Đạt
101	23403511	B101	Nguyễn Thị	Loan	18/01/1998	Nữ	7.0	5.0	2.0	0.5	14.5	3.63	Không đạt
102	22403054	B102	Đỗ Thị Trúc	Linh	10/01/2004	Nữ	4.0	4.0	5.0	3.0	16.0	4.00	Không đạt
103	22402055	B103	Nguyễn Ánh	Linh	29/07/2004	Nữ	5.0	5.5	2.0	5.0	17.5	4.38	Không đạt
104	23902015	B104	Nguyễn Thị Diệu	Linh	30/04/2005	Nữ	8.0	5.0	5.0	5.0	23.0	5.75	Đạt
105	24601025	B105	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	02/01/2006	Nữ							Vắng
106	22412028	B106	Phạm Thị Phương	Linh	04/05/2003	Nữ	7.5	6.0	2.5	3.5	19.5	4.88	Không đạt
107	23901031	B107	Rmah Mê	Linh	17/12/2005	Nữ	9.0	3.5	5.5	6.5	24.5	6.13	Đạt
108	23903540	B108	Nguyễn Thị	Loan	07/02/1970	Nữ	5.0	5.5	2.0	0.0	12.5	3.13	Không đạt
109	22403058	B109	Nguyễn Thị	Loan	27/03/2004	Nữ	7.5	5.0	5.0	4.0	21.5	5.38	Đạt
110	23903527	B110	Nguyễn Thị Kim	Loan	08/04/1988	Nữ	5.0	6.0	2.0	7.5	20.5	5.13	Đạt
111	22412029	B111	Trần Đức	Lương	17/07/2004	Nam	5.5	6.0	5.0	6.0	22.5	5.63	Đạt
112	23903043	B112	Rcôm H	Luyên	10/07/2005	Nữ	5.5	6.5	4.5	7.0	23.5	5.88	Đạt
113	22303005	B113	Huỳnh Ngọc	Ly	27/10/2004	Nữ	8.0	6.5	5.0	1.5	21.0	5.25	Đạt
114	20604016	B114	Mlô H' Hân	Ly	02/06/2002	Nữ	7.0	5.5	2.5	2.0	17.0	4.25	Không đạt
115	22309019	B115	Phạm Thảo Cam	Ly	22/06/2004	Nữ	8.0	6.5	5.0	4.0	23.5	5.88	Đạt
116	23605008	B116	Je Mí	Ma	04/08/2005	Nữ	7.0	6.5	2.0	6.0	21.5	5.38	Đạt
117	23410129	B117	Lê Hữu	Mạnh	01/11/2005	Nam	8.5	3.0	5.0	3.0	19.5	4.88	Không đạt
118	22305152	B118	H Dung	Mdrang	26/12/2003	Nữ	4.0	6.5	2.0	3.0	15.5	3.88	Không đạt
119	22402067	B119	Lý Đức	Minh	14/01/2004	Nam	4.0	6.0	5.0	3.5	18.5	4.63	Không đạt
120	24903090	B120	Nguyễn Ngọc Bảo	Minh	05/05/2006	Nữ	7.5	6.0	8.5	4.5	26.5	6.63	Đạt
121	21903056	B121	H' Bô Lin	Mlô	14/05/2003	Nữ	3.0	3.0	2.5	4.0	12.5	3.13	Không đạt
122	17608029	B122	H Duyên	Mlô	18/09/1999	Nữ	3.0	2.5	3.0	0.5	9.0	2.25	Không đạt
123	23403060	B123	H Joe Rim	Mlô	03/02/2005	Nữ	4.5	4.0	6.0	3.0	17.5	4.38	Không đạt
124	23605009	B124	H- Sran	Mlô	13/05/2005	Nữ	2.5	4.5	8.0	4.0	19.0	4.75	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
125	23601014	B125	H Sriêng	MIô	11/03/2005	Nữ	7.0	4.5	7.5	5.5	24.5	6.13	Đạt
126	21311019	B126	H: Bịch	MIô	03/02/2003	Nữ	2.0	4.5	7.5	0.5	14.5	3.63	Không đạt
127	22903040	B127	Siu H'	Mrung	07/03/2004	Nữ	5.5	3.5	4.0	1.5	14.5	3.63	Không đạt
128	22412032	B128	Nguyễn Hoàng Yến	My	05/04/2002	Nữ	3.0	4.0	9.0	4.0	20.0	5.00	Đạt
129	23412027	B129	Nguyễn Mai Diễm	My	13/11/2005	Nữ	6.0	4.5	8.0	2.5	21.0	5.25	Đạt
130	23102011	B130	Lê Thị	Na	28/07/2004	Nữ	3.5	4.5	8.0	2.5	18.5	4.63	Không đạt
131	24903099	B131	Lương Hà Ly	Na	06/05/2006	Nữ	4.0	4.5	9.0	2.0	19.5	4.88	Không đạt
132	23607030	B132	Vũ Văn	Nam	24/10/2005	Nam	3.5	4.5	8.5	6.0	22.5	5.63	Đạt
133	23903053	B133	Y - Thủy	Nam	17/11/2005	Nữ	4.0	4.5	8.5	3.0	20.0	5.00	Đạt
134	24903102	B134	Võ Thị Tố	Nga	14/08/2006	Nữ	3.5	4.5	9.0	2.5	19.5	4.88	Không đạt
135	22412034	B135	Huỳnh Lê	Ngân	09/12/2004	Nữ	7.0	4.5	9.0	3.0	23.5	5.88	Đạt
136	21101043	B136	Ngô Nguyễn Thanh	Ngân	22/11/2003	Nữ	2.5	4.5	9.0	6.5	22.5	5.63	Đạt
137	22412035	B137	Nguyễn Trịnh Thủy	Ngân	27/06/2003	Nữ	3.5	4.5	9.0	4.5	21.5	5.38	Đạt
138	23403069	B138	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	04/06/2005	Nữ	2.5	5.0	9.0	2.0	18.5	4.63	Không đạt
139	21102023	B139	Hoàng Ngọc Trung	Nguyên	29/01/2003	Nam							Vắng
140	22410047	B140	Lê Đức	Nguyên	15/11/2003	Nam	4.0	4.5	9.0	3.5	21.0	5.25	Đạt
141	22601047	B141	Ksor H'	Nguyệt	26/10/2003	Nữ	7.5	5.0	9.0	5.5	27.0	6.75	Đạt
142	23412038	B142	Vũ Thị Thanh	Nhàn	16/01/2005	Nữ	7.5	5.0	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
143	23403514	B143	Bùi Thị Ý	Nhi	14/09/1996	Nữ	0.0	5.5	8.0	8.0	21.5	5.38	Không đạt
144	24903108	B144	Kiều Thị Phương	Nhi	04/02/2006	Nữ	5.0	4.5	9.0	3.5	22.0	5.50	Đạt
145	23101019	B145	Lê Hồ Yến	Nhi	15/11/2005	Nữ	8.0	5.0	8.5	8.0	29.5	7.38	Đạt
146	23903060	B146	Nguyễn Ngọc	Nhi	16/11/2005	Nữ	5.0	5.0	8.0	4.0	22.0	5.50	Đạt
147	21305110	B147	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	04/02/2003	Nữ	8.5	5.5	8.5	8.0	30.5	7.63	Đạt
148	22305064	B148	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	21/11/2004	Nữ	3.0	5.0	8.0	3.0	19.0	4.75	Không đạt
149	23311030	B149	Đàng Thị Tiểu	Nhiên	09/02/2004	Nữ	2.5	4.0	3.0	0.0	9.5	2.38	Không đạt
150	23406032	B150	Nguyễn Quỳnh	Như	11/11/2005	Nữ	4.5	5.0	8.5	4.5	22.5	5.63	Đạt
151	23403081	B151	Trần Thị Phương	Nhung	06/09/2005	Nữ	6.0	4.5	9.0	1.5	21.0	5.25	Đạt
152	22309027	B152	H' - Đam -	Niê	20/01/2004	Nữ	6.0	5.0	1.5	1.0	13.5	3.38	Không đạt
153	22901040	B153	H Duin	Niê	14/01/2003	Nữ	5.5	4.5	9.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
154	24903114	B154	H' Dura	Niê	09/04/2005	Nữ	6.0	5.0	7.5	2.5	21.0	5.25	Đạt
155	21311105	B155	H Gloen	Niê	06/07/2002	Nữ	2.0	5.0	1.5	1.5	10.0	2.50	Không đạt
156	23401013	B156	H' Len	Niê	12/10/2005	Nữ	5.0	3.0	4.5	1.0	13.5	3.38	Không đạt
157	24903116	B157	H' Ngoen	Niê	21/05/2006	Nữ	4.0	4.0	1.5	4.0	13.5	3.38	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/Nữ	Kết quả kiểm tra						Kết quả
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	
158	24903117	B158	H' Rôselin	Niê	27/07/2006	Nữ	4.5	3.5	5.0	3.0	16.0	4.00	Không đạt
159	24903118	B159	H' Vân	Niê	22/04/2006	Nữ	5.0	5.0	2.0	2.0	14.0	3.50	Không đạt
160	24605017	B160	Y Trần	Niê	04/02/2006	Nam	6.5	4.5	8.5	3.5	23.0	5.75	Đạt
161	23903062	B161	Rmah H'	Nuy	30/06/2005	Nữ	2.0	5.0	7.5	2.5	17.0	4.25	Không đạt
162	23901046	B162	H Uyn Rơ	Ong	17/07/2005	Nữ	5.5	4.5	3.5	7.5	21.0	5.25	Đạt
163	21305116	B163	Nguyễn Tấn	Phát	30/01/2003	Nam	5.5	7.0	2.5	0.5	15.5	3.88	Không đạt
164	22303010	B164	Mai Thanh	Phú	29/07/2000	Nam	2.0	5.0	1.0	3.0	11.0	2.75	Không đạt
165	22410058	B165	Vũ Nguyễn Viết	Phú	02/12/2004	Nam	7.5	5.0	6.5	5.0	24.0	6.00	Đạt
166	24101014	B166	Hoàng Xuân	Phúc	17/08/2006	Nam							Hoãn thi
167	23403515	B167	Ngô Hữu	Phước	10/01/1991	Nam	5.5	5.0	4.0	3.0	17.5	4.38	Không đạt
168	24903125	B168	Mai Thị Minh	Phuong	28/11/2005	Nữ	2.0	3.5	4.5	2.5	12.5	3.13	Không đạt
169	24903504	B169	Nguyễn Thị	Phuong	16/04/1993	Nữ	6.0	4.0	4.0	6.5	20.5	5.13	Đạt
170	23607041	B170	Nguyễn Thị Như	Phuong	30/05/2005	Nữ	6.0	7.0	4.5	4.5	22.0	5.50	Đạt
171	21412055	B171	Trần Anh	Quân	17/03/2003	Nam	6.5	6.0	10.0	6.0	28.5	7.13	Đạt
172	21305130	B172	Đỗ Ngọc Xuân	Quỳnh	28/03/2003	Nữ	5.0	5.0	1.0	3.0	14.0	3.50	Không đạt
173	23601022	B173	Hà Thị	Quỳnh	20/04/2005	Nữ	6.0	4.0	3.5	2.0	15.5	3.88	Không đạt
174	22604013	B174	H	Ra	17/05/2003	Nữ	4.0	5.0	5.0	6.0	20.0	5.00	Đạt
175	21305134	B175	Lê Bá Quốc	Siêu	30/06/2001	Nam	7.5	4.0	5.0	5.0	21.5	5.38	Đạt
176	20305171	B176	Đào Văn	Son	02/09/2001	Nam							Vắng
177	23101025	B177	Rah Lan H'	Suron	25/02/2005	Nữ	7.0	4.5	3.0	6.0	20.5	5.13	Đạt
178	23903544	B178	Lê Thị Thu	Suong	14/08/1993	Nữ	8.0	5.0	5.0	7.5	25.5	6.38	Đạt
179	22601034	B179	Y- Hiếu	Teh	09/11/2003	Nam	4.5	7.0	4.0	4.5	20.0	5.00	Đạt
180	15102027	B180	Hồ Hoàng	Thạch	26/04/1997	Nam	8.0	5.0	7.0	5.0	25.0	6.25	Đạt
181	22303013	B181	Đàm Thị	Thăm	12/09/2004	Nữ	6.0	5.5	3.5	1.0	16.0	4.00	Không đạt
182	24101023	B182	Võ Quốc	Thắng	08/06/2006	Nam	5.0	5.0	9.0	7.5	26.5	6.63	Đạt
183	22103060	B183	Nguyễn Hoàng	Thanh	17/05/2004	Nam	4.0	3.5	3.5	4.5	15.5	3.88	Không đạt
184	21605070	B184	Nguyễn Tấn An	Thanh	26/09/2003	Nam	5.0	4.0	8.5	2.5	20.0	5.00	Đạt
185	23903550	B185	Trần Mỹ	Thanh	10/10/1990	Nữ	5.0	5.0	3.0	5.0	18.0	4.50	Không đạt
186	22303019	B186	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04/05/2003	Nữ	6.0	6.0	5.0	6.0	23.0	5.75	Đạt
187	24412061	B187	Phạm Minh	Thảo	25/03/2006	Nữ	5.5	3.5	9.0	5.0	23.0	5.75	Đạt
188	23903553	B188	Tạ Thị Phương	Thảo	25/03/1996	Nữ	6.0	4.5	5.0	7.0	22.5	5.63	Đạt
189	23601024	B189	Lơ Mu Ha	Thấu	04/04/2005	Nam							Vắng
190	23903080	B190	H -	Thích	04/01/2005	Nữ	3.0	5.0	8.5	4.5	21.0	5.25	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
191	22413014	B191	Lê Quốc	Thiện	03/08/2003	Nam	5.0	6.0	5.0	3.0	19.0	4.75	Không đạt
192	24103087	B192	Đào Ngọc	Thiện	03/06/2006	Nam	8.0	5.5	4.0	4.5	22.0	5.50	Đạt
193	22403102	B193	Nguyễn Thị Anh	Thư	17/10/2004	Nữ	5.5	5.5	9.0	2.5	22.5	5.63	Đạt
194	21305214	B194	Nguyễn Minh	Thuận	15/04/2002	Nam	5.0	6.0	9.0	3.0	23.0	5.75	Đạt
195	23401018	B195	Nguyễn Văn	Thuận	13/12/2005	Nam	5.5	6.0	3.5	5.0	20.0	5.00	Đạt
196	23412055	B196	Dương Thanh	Thương	06/05/2005	Nữ	7.0	5.0	2.5	6.0	20.5	5.13	Đạt
197	21101064	B197	Dương Thị Mỹ	Thương	09/04/2003	Nữ	5.0	7.0	3.0	6.0	21.0	5.25	Đạt
198	22305099	B198	Lê Nguyễn Hoàng Vi	Thương	02/10/2004	Nữ	6.0	6.5	3.0	3.0	18.5	4.63	Không đạt
199	22305100	B199	Lê Nguyễn Hoàng Yến	Thương	02/10/2004	Nữ	7.0	4.5	5.0	5.5	22.0	5.50	Đạt
200	22601037	B200	Hà Thị	Thúy	01/03/2004	Nữ	3.0	4.5	7.5	1.0	16.0	4.00	Không đạt
201	23901057	B201	Kră Jăn K'	Thúy	19/04/2005	Nữ	3.0	4.0	4.5	1.5	13.0	3.25	Không đạt
202	23607048	B202	Trần Thanh Thanh	Thùy	02/06/2005	Nữ	3.0	5.0	8.0	3.0	19.0	4.75	Không đạt
203	23903082	B203	Đinh Thị	Thủy	29/09/2005	Nữ	3.0	6.0	4.5	2.0	15.5	3.88	Không đạt
204	23903084	B204	Tạ Thị Thu	Thủy	28/01/2005	Nữ	1.0	5.0	5.0	0.0	11.0	2.75	Không đạt
205	22305102	B205	Trần Huỳnh	Tiên	09/11/2004	Nam	5.0	5.0	7.5	2.5	20.0	5.00	Đạt
206	22306005	B206	Vàng Văn	Tiến	12/08/2002	Nam	5.0	5.0	3.5	1.0	14.5	3.63	Không đạt
207	22412069	B207	Nguyễn Trọng	Tín	14/04/2004	Nam	5.0	5.5	4.5	4.0	19.0	4.75	Không đạt
208	23901060	B208	Ksor Thủy	Tình	04/05/2005	Nữ	7.0	3.0	3.0	6.5	19.5	4.88	Không đạt
209	22605021	B209	Kpă Y	Tram	09/12/2003	Nam	4.0	4.5	4.0	1.5	14.0	3.50	Không đạt
210	20305240	B210	Cao Thị Quế	Trâm	21/05/2002	Nữ	6.0	3.0	8.5	3.5	21.0	5.25	Đạt
211	24607056	B211	Lê Nguyễn Kiều	Trân	02/05/2005	Nữ							Vắng
212	22305108	B212	Nguyễn Đàm Khánh	Trân	13/11/2004	Nữ							Vắng
213	20307300	B213	Hoàng Thị Kiều	Trang	24/11/2001	Nữ							Hoãn thi
214	22303016	B214	Lương Thùy	Trang	13/02/2004	Nữ	3.0	3.0	5.5	1.5	13.0	3.25	Không đạt
215	22402117	B215	Nguyễn Trần Thùy	Trang	18/10/2004	Nữ	8.5	1.5	3.0	6.0	19.0	4.75	Không đạt
216	22903080	B216	Rmah H'	Trang	16/01/2004	Nữ	3.0	2.0	9.0	6.0	20.0	5.00	Đạt
217	22412057	B217	Hoàng Ngọc	Trí	08/01/2003	Nam	6.5	5.5	9.0	6.0	27.0	6.75	Đạt
218	22302024	B218	Phạm Trọng	Trí	23/06/2004	Nam	3.5	6.0	6.0	5.0	20.5	5.13	Đạt
219	22410081	B219	Hoàng Thị Thục	Trinh	29/07/2004	Nữ	5.0	5.0	5.0	3.0	18.0	4.50	Không đạt
220	20307304	B220	Ka Thủy	Trúc	31/10/2001	Nữ							Hoãn thi
221	22402125	B221	Nguyễn Thị Phương	Trúc	20/04/2004	Nữ	2.0	3.0	8.0	1.0	14.0	3.50	Không đạt
222	21305292	B222	Trần Thành	Trung	24/02/2003	Nam	8.5	3.0	7.5	6.5	25.5	6.38	Đạt
223	22103081	B223	Đàm Minh	Tú	17/02/2004	Nam	6.0	3.0	3.0	1.5	13.5	3.38	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
224	20305130	B224	Phạm Văn	Tư	05/10/1994	Nam	5.0	3.0	3.5	5.5	17.0	4.25	Không đạt
225	22103079	B225	Nguyễn Bá	Tuấn	08/08/2004	Nam	5.0	6.5	9.0	2.0	22.5	5.63	Đạt
226	21301027	B226	Nguyễn Thanh	Tùng	03/08/2003	Nam	4.0	6.5	3.5	5.5	19.5	4.88	Không đạt
227	20412048	B227	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	02/11/2002	Nữ	1.0	6.0	6.0	3.5	16.5	4.13	Không đạt
228	23601028	B228	Thạch Thị Kim	Tuyền	22/04/2005	Nữ	3.0	4.0	3.0	6.0	16.0	4.00	Không đạt
229	22903081	B229	Nay H'	U	20/02/2004	Nữ	5.5	3.5	2.5	2.0	13.5	3.38	Không đạt
230	22607057	B230	K' Thị	Úc	12/01/2004	Nữ	2.5	2.5	8.5	4.0	17.5	4.38	Không đạt
231	24601023	B231	H'	Uyên	15/05/2006	Nữ							Vắng
232	22402130	B232	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	22/10/2004	Nữ	6.0	3.5	3.5	3.5	16.5	4.13	Không đạt
233	23311055	B233	Đinh Thị	Vân	01/07/2002	Nữ	7.0	6.0	8.0	3.5	24.5	6.13	Đạt
234	22402132	B234	Vũ Thị Thuý	Vi	01/08/2004	Nữ	6.5	4.5	3.0	3.0	17.0	4.25	Không đạt
235	20412092	B235	Lê Đặng Hoàng	Vũ	28/11/2002	Nam	6.5	5.5	6.0	7.0	25.0	6.25	Đạt
236	21103210	B236	Nguyễn Long	Vũ	15/09/2003	Nam	6.0	5.0	7.0	3.0	21.0	5.25	Đạt
237	22402133	B237	Nguyễn Lương Anh	Vũ	04/04/2001	Nam	9.0	5.0	7.0	3.0	24.0	6.00	Đạt
238	21103213	B238	Đỗ Phước Đạt	Vương	19/10/2003	Nam	5.0	4.0	7.0	2.0	18.0	4.50	Không đạt
239	23402136	B239	Hán Thị	Xuân	16/02/2005	Nữ	6.0	2.5	3.0	7.0	18.5	4.63	Không đạt
240	23306007	B240	Y Thụ Rơ	Yam	24/11/2004	Nam	1.0	2.5	2.5	0.0	6.0	1.50	Không đạt
241	19601054	B241	Trần Thị Bảo	Yến	23/03/2001	Nữ	1.0	5.0	1.5	1.0	8.5	2.13	Không đạt
242	23402140	B242	Tou Prong My	Yô	31/07/2005	Nữ	4.0	1.5	3.0	3.5	12.0	3.00	Không đạt

Tổng số thí sinh theo danh sách:

242

Số thí sinh tham gia:

218

Số thí sinh hoãn thi:

3

Số thí sinh vắng:

21

Số thí sinh đạt:

103

Số thí sinh không đạt:

115

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Nguyễn Văn Nam